\

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN**

**TRƯỜNG THPT NAM YÊN THÀNH**

**KỲ THI KSCL HỌC SINH GIỎI TỈNH LỚP 12**

**NĂM HỌC 2022 - 2023**

Môn thi: **NGỮ VĂN - BẢNG A**

*Thời gian: 150 phút, không kể thời gian phát đề*

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**Câu 1 (8,0 điểm)**

*“Sống như chính mình trong một thế giới luôn cố biến mình thành người khác - đó là thành tựu lớn nhất trong đời*.”

(Ralph Waldo Emerson, Dẫn theo Rosie Nguyễn, *Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2016, Tr.147)

Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

**Câu 2 (12,0 điểm)**

Trong *Mấy ý nghĩ về thơ*, Nguyễn Đình Thi đã khẳng định:

“*Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường*”.

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, trang 51)

Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm *Sóng* của nhà thơ Xuân Quỳnh (*Ngữ văn 12*, Tập 1, Nxb Giáo dục, 2019), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

**----------HẾT----------**

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

Họ và tên thí sinh: ……………………………; Số báo danh: ……………………

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠONGHỆ AN**

**TRƯỜNG THPT NAM YÊN THÀNH**

**KỲ THI KSCL HỌC SINH GIỎI TỈNH LỚP 12**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN CHẤM**

Môn thi: **NGỮ VĂN – BẢNG A**

1. **YÊU CẦU CHUNG**

1. Có kiến thức văn học và xã hội đúng đắn, sâu rộng; kĩ năng làm văn tốt: bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trong sáng, giàu hình ảnh và gợi cảm, ít mắc lỗi về chính tả, ngữ pháp…

2. Đáp ứng yêu cầu đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, hướng dẫn chấm chỉ nêu một số nội dung cơ bản, định tính chứ không định lượng. Giám khảo cần hết sức linh hoạt khi vận dụng hướng dẫn chấm, không chỉ đánh giá kiến thức và kĩ năng mà còn chú ý đến thái độ, cảm xúc của người viết, cẩn trọng và tinh tế đánh giá bài làm của thí sinh trong tính chỉnh thể. Giám khảo cần khuyến khích những tìm tòi, sáng tạo riêng trong nội dung và hình thức bài làm, chấp nhận các kiến giải khác nhau, kể cả không có trong hướng dẫn chấm, miễn là hợp lí, có sức thuyết phục.

3. Tổng điểm của toàn bài là 20,0 điểm, cho lẻ đến 0,5 điểm. Hướng dẫn chấm chỉ cho điểm từng câu, từng ý, trên cơ sở đó giám khảo có thể thống nhất định ra các thang điểm cụ thể khác.

1. **YÊU CẦU CỤ THỂ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | *“Sống như chính mình trong một thế giới luôn cố biến mình thành người khác - đó là thành tựu lớn nhất trong đời*.” | **8,0** |
|  | 1. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*   *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| 1. *Xác định đúng vấn đề nghị luận*   Tầm quan trọng của việc con người vượt lên những cản trở của yếu tố tác động bên ngoài để sống là chính mình. Đó là kết quả lớn nhất mà con người thu được trong hành trình sống của bản thân. | 0,5 |
| 1. *Triển khai vấn đề cần nghị luận*   Thí sinh có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề. Có thể triển khai theo hướng:  ***\* Giải thích:***  - *Sống như chính mình*: Là sống với ý thức về giá trị cá nhân, sống trung thực, thẳng thắn với cái tôi của mình, là sự khẳng định bản ngã trước người khác, trước cộng đồng xã hội.  - *Một thế giới cố biến mình thành người khác*: Là hoàn cảnh xã hội, là những yếu tố bên ngoài tác động khiến con người không được là chính mình, đánh mất mình.  - *Thành tựu*: Cái đạt được, có ý nghĩa lớn sau một quá trình hoạt động thành công.  -> Ý kiến khẳng định vai trò, tầm quan trọng của việc con người vượt lên những cản trở của yếu tố tác động bên ngoài để sống là chính mình. Đó là điều có ý nghĩa nhất, kết quả lớn nhất mà con người thu được trong hành trình sống của bản thân.  **\* Bàn luận:**  *- Sống như chính mình*được biểu hiện như thế nào:  + Sống có hoài bão, tài năng và trí tuệ  + Sống có bản lĩnh, ý chí và nghị lực  + Sống có mục đích, lý tưởng, có đạo đức, nhân cách  + Sống có cá tính, dám sống với những nhu cầu bản thể của mình, đồng nhất giữa bên ngoài và bên trong...  - Nguyên nhân quan trọng khiến con người không được *sống như chính mình**là*bởi con người phải sống trong *một thế giới luôn cố biến mình thành người khác*:  + Xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng của chế độ phong kiến tập quyền nên ý thức cá nhân cá thể không có điều kiện phát triển. Con người phải triệt tiêu cá tính, khép mình theo những qui tắc, chuẩn mực chung. Người có tư duy mới mẻ, có chủ kiến cá nhân, khác biệt với mọi người thường phải chịu cái nhìn mang tính định kiến của cộng đồng xã hội.  + Cuộc sống hiện đại ngày nay khiến con người dễ *biến mình thành người khác*:  . Sự phát triển mạnh mẽ của nền văn minh vật chất đưa tới nguy cơ làm tha hóa con người. Con người quá coi trọng vật chất, sống thực dụng, sống theo hình thức, hướng ngoại, đua đòi theo những giá trị vật chất. Con người sống lệ thuộc vào những yếu tố bên ngoài, không làm chủ được mình.  . Nền kinh tế thị trường chi phối khiến con người sống nhanh, sống gấp, sống giả. Con người sống theo bề rộng mà bỏ qua chiều sâu, không bồi đắp, di dưỡng những giá trị tinh thần.  . Sự phát triển của mạng xã hội, việc sản sinh ra các sản phẩm công nghệ cao khiến con người bị đắm chìm trong thế giới ảo, tôn thờ cái ảo mà đánh mất giá trị thực.  . Chiều hướng phát triển đa dạng, phức tạp của cuộc sống dẫn đến sự mất phương hướng, bi quan, sự suy giảm lòng tin vào lý tưởng của con người...  - Vì sao*sống như chính mình trong một thế giới cố biến mình thành người khác là thành tựu lớn nhất trong đời:*  **+** Khi con người dám là mình trong *một thế giới cố biến mình thành người khác*, từ suy nghĩ đến hành động thì sẽ không còn bị môi trường chi phối, trở nên độc lập, không hòa lẫn vào đám đông, không còn mặc cảm tự ti, không dễ bị tổn thương, sống an nhiên, tự tại, tự tin đối diện với thế giới xung quanh, vượt qua những thách thức, những tác động tiêu cực của cuộc sống.  + Khi vượt qua được những cản trở của yếu tố bên ngoài, con người vượt qua các giới hạn của bản thân, phát triển và sáng tạo, khai phóng được tất cả mọi khả năng, sức mạnh tiềm ẩn, khẳng định được sự tồn tại có ý nghĩa trong cuộc đời.  + Khi vượt qua sự chi phối của ngoại cảnh, sống là chính mình, con người sẽ vun đắp được những nét đặc sắc của riêng mình, vẻ đẹp của riêng mình, in dấu được cái tôi bản thể.  - Làm thế nào để*sống là chính mình trong một thế giới luôn biến mình thành người khác*:  + Không thể tự khẳng định bản thân bằng cách dựa dẫm vào ngoại lực hay bằng những hình thức, phương tiện vay mượn từ bên ngoài, trước hết và chủ yếu phải phụ thuộc vào chính nội lực của mình. Con người cần có bản lĩnh được hun đúc nên từ trí trí tuệ, tâm hồn và nhân cách.  + Mặt khác con người chỉ có thể trở thành chính mình trong một môi trường tự do dân chủ. Một xã hội chuyên chế là xã hội triệt tiêu sự sáng tạo của cá nhân và của cả cộng đồng. Cái tôi chỉ có thể tồn tại trong môi trường mà con người cá nhân được tôn trọng.  ***\* Bàn luận mở rộng:***  **-** Cần có ý thức khẳng định cái tôi cá nhân vượt lên sự chi phối của môi trường sống nhưng không tự cao tự đại. Sống là chính mình nhưng phải phù hợp với chẩn mực đạo đức cộng đồng, xã hội.  - Sống là chính mình được đánh giá cao khi nó không chỉ hướng đến sự phát triển của riêng cá nhân mà còn gắn với tinh thần phụng sự vô tư cho lợi ích cộng đồng.  - Sự khẳng định mình của mỗi cá nhân luôn quan hệ gắn bó với sự khẳng định mình của mối quốc gia dân tộc. Từ đó đặt ra vấn đề bản lĩnh của mỗi quốc gia dân tộc trong bối cảnh quốc tế hiện nay.  - Phê phán những con người đánh mất chính mình với lối sống hèn nhát, thụ động, lối sống trong bao, lối sống giả tạo, hình thức... hay những cách sống là chính mình đi ngược với chuẩn mực của đạo đức xã hội.  **\* Bài học nhận thức và hành động:**  - Nhận thức được vai trò quan trọng việc sống là chính mình trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay.  - Bồi đắp, rèn luyện các năng lực của bản thân để kiến tạo một cuộc sống có ý nghĩa cho bản thân, gia đình và xã hội.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (5,0 – 6,0 điểm).*  *- Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (3,0 – 4,0 điểm).*  *- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (1,0 – 2,0 điểm).* | 1,0    4,0    1,0 |
| 1. *Chính tả ngữ pháp*   Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| 1. *Sáng tạo*   Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn; lời văn có giọng điệu, hình ảnh...*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Câu 2** | Trong *Mấy ý nghĩ về thơ*, Nguyễn Đình Thi đã khẳng định:  “*Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường*”.  (Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, trang 51)  Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua tác phẩm *Sóng* của nhà thơ Xuân Quỳnh (*Ngữ văn 12*, Tập 1, Nxb Giáo dục, 2019), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. | **12,0** |
| 5 | 1. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*   *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| 1. *Xác định đúng vấn đề nghị luận*   - Giải thích được ý kiến: “*Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường*”.  - Chứng minh qua tác phẩm *Sóng* của Xuân Quỳnh.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.*  *- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| 1. *Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm*   Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau: |  |
| ***Giải thích:*** | **2,0** |
| - *Làm thơ*: quá trình sáng tác thơ, công việc của nhà thơ để tạo ra thi phẩm.-…*dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ:* sử dụng ngôn ngữ (lời nói, chữ viết) làm phương tiện, chất liệu sáng tác.  -...*để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường*: để thể hiện, giãi bày một trạng thái tâm lý chân thành, mãnh liệt và khác thường, mới mẻ trong tâm hồn nhà thơ.  🡪 Ý kiến của Nguyễn Đình Thi đã khẳng định bản chất quá trình sáng tạo của nhà thơ. Đó là quá trình sử dụng các phương tiện nghệ thuật để diễn tả cảm xúc, tâm tư, tình cảm - phần trạng thái tâm lý rung động mãnh liệt, thăng hoa của người nghệ sĩ.  ***Hướng dẫn chấm:***  *-**Học sinh trình bày được 3 ý, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2.0 điểm.*  *-**Học sinh trình bày được 2 ý, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1.5 điểm*  *- Học sinh phân tích được 1 ý hoặc phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 0.5 - 1.0 điểm.* |  |
| ***Bàn luận***  \* Ý kiến của Nguyễn Đình Thi là một nhận định đúng đắn về quá trình sáng tạo của nhà thơ, đồng thời cũng cho thấy đặc trưng cơ bản của thể loại thơ:  - Quá trình sáng tác thơ ca là quá trình lao động miệt mài, hăng say, tỉ mẫn của người nghệ sĩ. Ngôn từ trong tác phẩm thơ được thể hiện qua *lời* và *chữ*, có khi thể hiện trực tiếp trên lời, có lúc gián tiếp ẩn phía sau câu chữ, có khi được biến hoá thành các biện pháp tu từ, nhịp điệu, âm hưởng….  + Ngôn ngữ chính là chất liệu đặc thù, là yếu tố thứ nhất của thơ ca nói riêng, văn học nói chung.  + Với thơ ca, đó phải là ngôn ngữ được nhà thơ chọn lựa, trau chuốt, tinh luyện đến độ chuẩn xác, tinh tế, hàm súc, độc đáo….  - Gốc rễ, cội nguồn của sáng tạo thơ ca xuất phát từ *trạng thái tâm lý rung chuyển khác thường* của người nghệ sĩ trước hiện thực đời sống.  + Thơ là sự ký thác những tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt, mới mẻ của nhà thơ trước cuộc sống và con người, chẳng hạn như: niềm vui sướng hân hoan, tình yêu mãnh liệt, nỗi khắc khoải lo âu, niềm cô đơn rợn ngợp, bi kịch đau thương, nỗi tuyệt vọng khôn cùng.  + Đó là những tình cảm, cảm xúc vừa riêng biệt, cụ thể, cá thể, vừa mang tính phổ quát, có khả năng khơi gợi được sự đồng cảm, đồng điệu của người đọc.  ***Hướng dẫn chấm:***  *-**Học sinh trình bày được 2 ý, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,0 điểm.*  *-**Học sinh trình bày được 1 ý, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 0,5 điểm.*  *- Học sinh trình bày chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 0,25 điểm.* | **1,0** |
|  | **\* Chứng minh ý kiến qua bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.** | 5,5 |
|  | Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm(phong cách, hoàn cảnh ra đời…) | 0,5 |
| Chứng minh qua *Sóng* của Xuân Quỳnh.  \* Xuân Quỳnh sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật (tức lời nói, chữ viết – yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc) làm phương tiện, chất liệu sáng tác trong bài thơ *Sóng*.  + Âm điệu của bài thơ: Bài thơ có âm điệu của những con sóng biển hay cũng chính là sóng lòng của người con gái đang yêu. Âm điệu đó được tạo nên bởi nhiều yếu tố: thể thơ năm chữ tạo âm điệu sâu lắng, ngọt ngào; cách gieo vần, phối âm độc đáo, giàu sức liên tưởng; các câu thơ thường không ngắt nhịp, sự đắp đối các thanh bằng trắc ở cuối mỗi câu thơ…Tất cả những yếu tố đó đã tạo nên âm hưởng dào dạt, nhịp nhàng của những con sóng biển miên man, bất tận. Đó đồng thời cũng là nhịp điệu của những con sóng lòng trong trái tim người phụ nữ.  + Kết cấu bài thơ là sự tương đồng giữa hình tượng những con sóng và tâm trạng phụ nữ khi đang yêu: sóng là hình tượng ẩn dụ của tâm trạng người phụ nữ khi đang yêu. Sóng là một sự hòa nhập và phân tán của nhân vật trữ tình em. Nhà thơ đã sáng tạo hình tượng sóng khá độc đáo nhằm thể hiện những cung bậc tình cảm và tâm trạng của người phụ nữ khi đang yêu. Kết cấu đó được thể hiện qua 9 khổ thơ. Bốn khổ đầu và bốn khổ cuối mỗi khổ đều có 4 câu, riêng khổ giữa (khổ 5) có 6 câu. Điều này khiến người ta liên tưởng tới hai chân sóng và đỉnh sóng.  + Các biện pháp tu từ: Ẩn dụ, so sánh, nhân hóa được sử dụng linh hoạt nhằm diễn tả những cảm xúc chân thực, phong phú, phức tạp trong tâm hồn người con gái đang yêu. + Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, như tiếng lòng chân thành của người phụ nữ đang yêu, không màu mè, kiểu cách….  \* Sóng xuất phát từ *trạng thái tâm lý rung chuyển khác thường* của người nghệ sĩ trước hiện thực đời sống.  - Sóng là dòng cảm xúc chân thành, mãnh liệt của một trái tim phụ nữ yêu tha thiết,nồng nàn, thuỷ chung muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Cái tôi trữ tình nhà thơ khi thì hóa thân vào em, khi thì soi mình vào sóng. Sóng và em cùng song song tồn tại để bộc lộ những cảm xúc của nhân vật trữ tình. + Những trạng thái cảm xúc phong phú, phức tạp có lúc tưởng mâu thuẫn mà lại thống nhất trong tâm hồn người con gái đang yêu. + Khát vọng tự nhận thức, khát vọng tình yêu + Nỗi nhớ cháy bỏng, da diết trong tình yêu. + Tình cảm thủy chung khăng khít + Những dự cảm âu lo và niềm tin vào tình yêu chân chính + Khát vọng bất tử hóa tình yêu.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh phân tích đầy đủ, sâu sắc: 5,5 điểm 5,0 điểm.*  *- Học sinh phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 4,5– 3,0 điểm.*  *- Học sinh phân tích chung chung, chưa rõ các biểu hiện: 2,0 -2,5 điểm.*  *- Học sinh phân tích sơ lược, không rõ các biểu hiện: 1,0-1,5 điểm* | 5,0 |
|  | **\*Đánh giá, mở rộng:**  - Nhận định của Nguyễn Đình Thi là nhận định của một người nghệ sĩ với chính nghiệp viết của mình và được cất lên bằng chính những trải nghiệm. Đó là những trải nghiệm sâu sắc của việc làm thơ, quá trình sáng tác dày công của người nghệ sĩ để tạo ra tác phẩm. Quá trình sáng tác ấy chẳng bao giờ xa rời thứ chất liệu để tạo ra tác phẩm là ngôn từ.  - Sóng trở thành một trong số những bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Thông qua lớp ngôn từ giản dị, tự nhiên, bài thơ đã thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu: vừa hiện đại, táo bạo, mạnh mẽ vừa giữ được nét truyền thống tốt đẹp.  *-**Học sinh trình bày được 2 ý, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1.0 điểm..*  *-**Học sinh trình bày được 1 ý, phân tích đầy đủ, sâu sắc: 0.5 điểm.*  *-Học sinh không trình bày 0.0 điểm.* | 1,0 |
|  | *d. Chính tả ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh biết liên hệ với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của ngôn ngữ thơ trong đoạn trích; vận dụng kiến thức lý luận về lao động sáng tạo của nhà văn, về đặc trưng văn học, về các khuynh hướng văn học, hiểu biết về tác giả… để bàn sâu vấn đề*; *văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc…*  - *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.*  - *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 05 điểm.* | 1,0 |
| **TỔNG ĐIỂM** | | **20,0** |